ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 32 /2026/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 63/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 9/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 53/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 26/2009/TT-BNN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đê nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 10553/TTr-SNNMT-CCTL ngày 17 tháng 4 năm 2026 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 3167/BC-STP ngày 30 tháng 3 năm 2026;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 6 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Quy định nội dung chi và mức chi Quỹ Phòng, chống thiên tai của tỉnh Bình Dương; Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy định nội dung chi, mức chi Quỹ Phòng, chống thiên tai của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự Thành phố, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố, Giám đốc Kho Bạc nhà nước khu vực II, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ VN Thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Cục Quản lý đê điều và PCTT;
- VPUB: các PCVP;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Phòng ĐT;
- Lưu: VT, (ĐT/ĐL).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Minh Thạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Chi tiết nội dung chi và mức chi Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2026/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết nội dung chi và mức chi Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Hồ Chí Minh cho công tác hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai và hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 63/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Thực hiện công khai, minh bạch, công bằng, đúng mục đích, đúng mức hỗ trợ và đúng đối tượng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Mức chi hỗ trợ, cứu trợ không vượt quá mức thiệt hại thực tế.

3. Chỉ thực hiện chi hỗ trợ từ Quỹ đối với các đối tượng chưa được hưởng hỗ trợ theo các quy định hiện hành khác của Nhà nước; hỗ trợ cho các hoạt động phòng chống thiên tai mà ngân sách nhà nước chưa bố trí hoặc chưa đáp ứng yêu cầu thực tế.

4. Trường hợp cùng nội dung có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ thì áp dụng cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp, có lợi nhất.

5. Đối với những nội dung chi trong Quy định này có mức chi được viện dẫn áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành: khi các văn bản này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Điều 4. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai

1. Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế: thực hiện theo Phương án ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn thực tế từng tình huống cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt, với mức chi theo thực tế phát sinh.

2. Hỗ trợ thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán: mức chi 200.000 đồng/người/ngày.

3. Tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai: mức chi (tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, trực ban) theo quy định tại Điều 98, Điều 106, Điều 108 Bộ Luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019 và Điều 55, Điều 57 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

4. Hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai

a) Người không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước: trong thời gian được huy động tham gia ứng phó thiên tai được hưởng trợ cấp ngày công lao động theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai và Nghị quyết số 398/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về áp dụng Nghị quyết số 9/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định mức phụ cấp hàng tháng đối với thôn, ấp, khu đội trưởng; mức trợ cấp ngày công lao động và mức trợ cấp ngày công lao động tăng thêm đối với lực lượng dân quân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Người đang hưởng lương từ ngân sách Nhà nước: mức chi theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 5. Nội dung chi và mức chi cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai

1. Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai:

a) Hỗ trợ lương thực: mức chi 15 kg gạo/người/tháng (thời gian hỗ trợ không quá 3 tháng).

b) Hỗ trợ nước uống: 3 bình nước/người/tháng (loại bình 20 lít, thời gian hỗ trợ không quá 3 tháng).

c) Thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác: mức chi theo thực tế phát sinh, có hóa đơn, chứng từ theo đúng quy định và khả năng cân đối của Quỹ.

2. Hỗ trợ tu sửa nhà ở bị thiệt hại do thiên tai: mức chi theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

3. Hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; hỗ trợ tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai: mức chi tối đa là 500.000.000 đồng/công trình (hạng mục) và khả năng cân đối của Quỹ.

4. Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai: mức chi theo quy định tại Điều 5 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 9/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.

5. Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai: mức chi tối đa 50.000.000 đồng/cấp xã/đợt thiên tai để thực hiện hoạt động tiêu độc, khử trùng tránh lây lan dịch bệnh.

6. Hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở: mức chi tối đa không quá 500.000.000 đồng/công trình và khả năng cân đối của Quỹ.

7. Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai: mức chi tối đa không quá 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình.

Điều 6. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa

1. Thông tin, truyền thông, giáo dục về phòng, chống thiên tai; tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng: mức chi theo Kế hoạch hoạt động, thu, chi Quỹ Phòng, chống thiên tai hàng năm của Ủy ban nhân dân các cấp hoặc theo thực tế phát sinh và trong khả năng cân đối của Quỹ; dự toán cho từng nội dung theo đúng tiêu chuẩn, định mức chuyên ngành của các bộ, ngành chức năng.

2. Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai:

a) Cấp Thành phố: mức chi tối đa là 700.000.000 đồng/kế hoạch, phương án.

b) Cấp xã: mức chi tối đa là 250.000.000 đồng/kế hoạch, phương án.

3. Hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm:

a) Đối với hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai được xem xét hỗ trợ chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Đối với hộ phải di dời theo đề án, phương án, dự án sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai thì thực hiện theo các nội dung chi, mức chi của đề án, phương án, dự án đó được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp:

a) Cấp Thành phố: mức chi tối đa là 6.500.000.000 đồng/đợt diễn tập.

b) Cấp xã: mức chi tối đa là 1.250.000.000 đồng/đợt diễn tập.

5. Mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã: mức chi theo thực tế phát sinh, có hóa đơn, chứng từ theo đúng quy định.

6. Duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai: thực hiện theo kế hoạch, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, với mức chi cho tiền lương, tiền công, phụ cấp theo định mức chuyên ngành của các bộ, ngành chức năng:

a) Đối với duy trì hoạt động cho lực lượng quản lý đê nhân dân áp dụng theo nội dung chi và mức chi được Ủy ban nhân dân Thành phố quy định theo khoản 1 Điều 5 Thông tư số 26/2009/TT-BNN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đê nhân dân.

b) Đối với duy trì hoạt động cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã áp dụng theo nội dung chi và mức chi quy định tại Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai.

c) Đối với lực lượng tình nguyện viên phòng, chống thiên tai áp dụng theo nội dung chi và mức chi quy định tại Điều 12 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai và Nghị quyết số 398/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về áp dụng Nghị quyết số 9/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định mức phụ cấp hàng tháng đối với thôn, ấp, khu đội trưởng; mức trợ cấp ngày công lao động và mức trợ cấp ngày công lao động tăng thêm đối với lực lượng dân quân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng: mức chi theo Kế hoạch hoạt động, thu, chi Quỹ Phòng, chống thiên tai hàng năm của Ủy ban nhân dân các cấp hoặc theo thực tế phát sinh và trong khả năng cân đối của Quỹ; dự toán cho từng nội dung theo đúng tiêu chuẩn, định mức chuyên ngành của các bộ, ngành chức năng.

8. Mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai: thực hiện theo Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng chống thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo quy định tại Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai và Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 7. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ các hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ: thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và khả năng cân đối của Quỹ.

Điều 8. Phân bổ nguồn thu Quỹ phòng, chống thiên tai cho Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu

1. Ủy ban nhân dân cấp xã giữ lại tối đa không quá 28% số thu trên địa bàn để hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu (không quá 5%); chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ (không quá 3%) và chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã (không quá 20%). Số tiền thu quỹ còn lại (tối thiểu 72% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản Quỹ Thành phố.

2. Sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã có báo cáo quyết toán kinh phí, Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã đã sử dụng hết.

Điều 9. Nội dung chi và mức chi cho chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố và chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ ở phường, xã, đặc khu

1. Mức chi cho quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố (không vượt quá 3% tổng số thu Quỹ phòng, chống thiên tai Thành phố) được sử dụng để chi cho các nội dung sau:

a) Chi làm thêm giờ, phụ cấp kiêm nhiệm cho công chức, viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ của Quỹ:

Chi làm thêm giờ: mức chi theo quy định tại khoản 1 Điều 98, Điều 107 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 và Điều 55 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Chi phụ cấp kiêm nhiệm (nếu có): mức chi theo đúng quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố và pháp luật hiện hành.

b) Chi tiền lương cho người lao động, chuyên gia ký hợp đồng để thực hiện các công việc liên quan tới Quỹ:

Chi tiền lương cho người lao động: mức chi theo quy định của Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Chi tiền lương chuyên gia: mức chi theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV của Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu và các quy định hiện hành khác có liên quan.

c) Chi các hợp đồng thực hiện một số công việc phục vụ hoạt động của Quỹ: mức chi theo thực tế phát sinh, có hóa đơn, chứng từ theo đúng quy định.

d) Chi thuê, mua công cụ, dụng cụ, thiết bị, vật tư, văn phòng phẩm; chi phí nhiên liệu, điện, nước, điện thoại, bưu chính viễn thông, internet phục vụ cho hoạt động của Quỹ: mức chi theo thực tế phát sinh, có hóa đơn, chứng từ theo đúng quy định.

đ) Chi công tác phí; chi hội nghị, hội thảo, tập huấn: mức chi theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ ở phường, xã, đặc khu (không vượt quá 3% tổng số thu Quỹ phường, xã, đặc khu được giữ lại) theo nội dung quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này và các chi phí hành chính phát sinh khác liên quan đến công tác thu Quỹ: mức chi theo thực tế phát sinh, có hóa đơn, chứng từ theo đúng quy định.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Phân công trách nhiệm

1. Các địa phương, đơn vị được Ủy ban nhân dân Thành phố cấp kinh phí từ Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố phải thực hiện đầy đủ các nội dung, hạng mục đúng tiến độ và quyết toán kịp thời theo quy định; chịu trách nhiệm về việc đảm bảo an toàn công trình phòng chống thiên tai và các hạng mục, công việc liên quan đến công tác phòng chống thiên tai do sự chậm trễ tiến độ và quyết toán; lưu ý thời hạn quyết toán Quỹ phải thực hiện trong năm tài chính đối với các khoản chi được cấp kinh phí trước ngày 30 tháng 9 hàng năm và được gia hạn thời gian quyết toán sang năm sau đối với các khoản chi được cấp kinh phí sau ngày 30 tháng 9 hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Cơ quan quản lý Quỹ)

a) Hướng dẫn các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu, tổ chức, cá nhân liên quan triển khai thực hiện đúng các nội dung của Quy định này; phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn việc sử dụng, thanh quyết toán Quỹ đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả, tiết kiệm và đúng quy định.

b) Tổng hợp nhu cầu hỗ trợ từ Quỹ Phòng, chống thiên tai do Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức đề nghị; tổ chức kiểm tra, rà soát và đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

c) Hằng năm, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch hoạt động, thu, chi của Quỹ Phòng chống thiên tai Thành phố.

d) Báo cáo kết quả thu, chi Quỹ với cơ quan quản lý Quỹ trung ương trước ngày 25 hàng tháng; báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố định kỳ hàng quý, 06 tháng, 09 tháng và tổng kết năm về công tác quản lý, thu - chi, quyết toán Quỹ. Đồng thời, báo cáo Sở Tài chính tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi quỹ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

3. Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi Quỹ theo quy định; hướng dẫn sở, ngành, đơn vị Thành phố, Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu trình tự, thủ tục, quyết toán kinh phí thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

4. Các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện các hoạt động phòng chống thiên tai đúng các nội dung của Quy định này.

b) Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí.

c) Lập báo cáo quyết toán và quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu theo quy định; đồng thời, gửi báo cáo Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

5. Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu

a) Căn cứ nội dung chi, mức chi theo Quy định này và quy định pháp luật hiện hành, số thu Quỹ được giữ lại và nhu cầu thực tế của địa phương; cân đối, chủ động phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí và tổ chức thực hiện các hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn. Trường hợp có khó khăn về nguồn kinh phí thực hiện báo cáo Cơ quan quản lý Quỹ xem xét, trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

b) Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát, lãng phí; thực hiện công khai chính sách hỗ trợ của Nhà nước bằng các hình thức: thông báo bằng văn bản, niêm yết tại đơn vị, đăng tải trên cổng thông tin điện tử.

c) Lập báo cáo quyết toán chi Quỹ trên địa bàn và quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu theo quy định; đồng thời gửi báo cáo Cơ quan quản lý Quỹ trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức liên quan căn cứ trách nhiệm được phân công phối hợp triển khai Quyết định này.

2. Khi có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ pháp lý ban hành, Quy định này sẽ được điều chỉnh cho phù hợp và áp dụng theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh, Sở Nông nghiệp và Môi trường - Cơ quan quản lý Quỹ tổng hợp, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi Quy định cho phù hợp./.